



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN TIẾNG VIỆT

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên) – TRỊNH CAM LY



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN **TIẾNG VIỆT**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2	5
1.1. Quan điểm biên soạn.....	5
1.2. Một số điểm nổi bật.....	6
2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2	8
2.1. Cấu trúc chung.....	8
2.2. Cấu trúc chủ điểm.....	9
2.3. Cấu trúc bài học chung.....	9
2.3.1. Cấu trúc bài học 4 tiết.....	9
2.3.2. Cấu trúc bài học 6 tiết	10
2.4. Cấu trúc một số bài học.....	11
2.4.1. Bài đọc.....	11
2.4.2. Tập viết	12
2.4.3. Chính tả.....	12
2.4.4. Luyện từ và câu	14
2.4.5. Nói và nghe	15
2.4.6. Tập làm văn.....	18
2.4.7. Bài ôn tập.....	23
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	24
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	26
4.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên	27
4.2. Kiểm tra, đánh giá định kì	29
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN	32
6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU	33
7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ XẾP THỜI KHOÁ BIỂU	33

PHẦN HAI: MỘT SỐ GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC	34
1. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG	34
2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY ĐỌC.....	37
2.1. Hướng dẫn dạy học đọc.....	37
2.1.1. Dạy đọc lưu loát (đọc thành tiếng).....	37
2.1.2. Dạy đọc hiểu	37
2.2.3. Dạy đọc mở rộng	41
2.2. Hướng dẫn dạy học tập viết	41
2.3. Hướng dẫn dạy học chính tả	42
2.4. Hướng dẫn dạy học luyện từ và câu	43
2.4.1. Mở rộng vốn từ và phát triển lời nói	43
2.4.2. Luyện tập nói, viết câu.....	44
2.5. Hướng dẫn dạy học nói và nghe.....	45
2.5.1. Nói và nghe kết nối bài học.....	45
2.5.2. Nói và nghe theo nghi thức giao tiếp.....	45
2.5.3. Hỏi – đáp tương tác	46
2.5.4. Nghe – nói trong kể chuyện	46
2.5.5. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý.....	47
2.6. Hướng dẫn dạy học tập làm văn.....	48
2.7. Hướng dẫn tổ chức hoạt động vận dụng.....	50
PHẦN BA: CÁC NỘI DUNG KHÁC	52
1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, VỞ BÀI TẬP, VỞ TẬP VIẾT	52
1.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	52
1.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập.....	53
1.3. Hướng dẫn sử dụng vở tập viết.....	54
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ	56

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2

1.1. Quan điểm biên soạn

1.1.1. Định hướng chung

Bộ sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt được biên soạn theo chủ trương “một chương trình (CT), một số SGK” được quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và căn cứ theo Điều 32 Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2019 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Bộ SGK Tiếng Việt được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu: (1) Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông: chuyển từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực; (2) Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

SGK *Tiếng Việt 2* được biên soạn theo nguyên tắc đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa CT, SGK với cách thức học tập, khả năng học tập của HS; (2) Sự phù hợp với đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

SGK *Tiếng Việt 2* tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS; tổ chức các hoạt động đọc, viết, nghe, nói có mục đích giao tiếp; tổ chức bài học thành chuỗi hệ thống hoạt động/ bài tập (BT); dạy học kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS; công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS; ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

SGK *Tiếng Việt 2* tích hợp dạy học 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ; tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách; tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy; tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

SGK *Tiếng Việt 2* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được rèn luyện và phát triển; liên kết các thể loại văn bản trong trục

chủ điểm của bài học. Hoạt động tiếp cận thể loại văn bản được tổ chức gắn kết với hoạt động chiếm lĩnh nội dung của văn bản nhằm tạo liên kết về nội dung. Trường liên tưởng được chú ý thể hiện xuyên suốt, giúp GV tổ chức dạy học thuận lợi hơn.

SGK *Tiếng Việt 2* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản: văn bản thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu và văn bản hướng dẫn nhằm góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản.

SGK *Tiếng Việt 2* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc, viết; vận dụng các điều đã học ở bài học để nói, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Bên cạnh đó, các nội dung giáo dục về quyền con người, về bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài học.

SGK *Tiếng Việt 2* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong sách, việc sử dụng các biểu tượng được tiếp tục trên cơ sở kế thừa ý tưởng từ SGK *Tiếng Việt 1* để “phạm trù hoá” các hoạt động và cấu trúc bài học, đồng thời làm tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS. Tuy nhiên, để phù hợp với các hoạt động dạy học ở lớp Hai, các biểu tượng có những thay đổi nhỏ để phù hợp hơn, chẳng hạn biểu tượng cho hoạt động *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*.

1.2. Một số điểm nổi bật

1.2.1. Kết nối, kế thừa Tiếng Việt 1

Theo định hướng đổi mới được quy định trong Chương trình Ngữ văn 2018, sách *Tiếng Việt 2* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm kiểu “lõi xoáy”. Chẳng hạn, các chủ điểm ở học kì I xoay quanh những nội dung gần gũi về bản thân HS, gia đình, trường học,...: *Em đã lớn hơn*, *Mỗi người một vẻ*, *Bố mẹ yêu thương*, *Ông bà yêu quý*, *Những người bạn nhỏ*, *Ngôi nhà thứ hai*, *Bạn thân ở trường*, *Nghề nào cũng quý*; Sang học kì II, nội dung về thế giới xung quanh được mở rộng và nâng cao: *Nơi chốn thân quen*, *Bốn mùa tươi đẹp*, *Thiên nhiên muôn màu*, *Sắc màu quê hương*, *Bác Hồ kính yêu*, *Việt Nam mến yêu*, *Bài ca Trái Đất*.

Mặt khác, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà gần như trùng với các dịp lễ tết, các hoạt động văn hoá, giáo dục. Chẳng hạn chủ điểm *Em đã lớn hơn* được học ngay sau

ngày khai trường; các chủ điểm *Ngôi nhà thứ hai, Bạn thân ở trường* được học vào dịp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; chủ điểm *Nơi chốn thân quen* và chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp* được học vào dịp tết Nguyên đán; chủ điểm *Bác Hồ kính yêu, Việt Nam mến yêu* và chủ điểm *Bài ca Trái Đất* được học vào dịp hưởng ứng Ngày Trái Đất của thế giới,...

Các đặc điểm về cấu trúc và nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lí giáo dục đã được khẳng định ở *Tiếng Việt 1*. Chẳng hạn: cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lí dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lí học hiện đại, tâm lí nhận thức, tâm lí ngôn ngữ của HS trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế bài tập,...

Trong từng ngữ liệu của bài đọc và bài tập đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lí giáo dục: Giáo dục HS biết tôn trọng sự khác biệt, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế của bản thân, biết yêu quý, tôn trọng mọi người, mọi vật xung quanh, trong đó có nội dung giáo dục về quyền con người và bình đẳng giới (*Em đã lớn hơn, Mỗi người một vẻ*); Giáo dục HS “kết nối yêu thương” từ những điều bình thường, giản dị, bằng những việc làm phù hợp lứa tuổi,... (*Bố mẹ yêu thương, Ông bà yêu quý*); Giáo dục ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức về quê hương đất nước (*Nơi chốn thân quen, Quê hương tươi đẹp, Việt Nam mến yêu*); Giáo dục ý thức về cuộc sống hiện đại, về môi trường (*Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Bài ca Trái Đất*),...

1.2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế thành các chủ điểm với 5 nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Nhà trường
- ♦ Quê hương đất nước
- ♦ Thiên nhiên

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với nội dung của các môn học khác như *Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mĩ thuật, Âm nhạc*,... Chẳng hạn, các văn bản thông tin về xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm*; nội dung giáo dục đạo đức trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mĩ thuật, Âm nhạc*,...

1.2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết, tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng theo một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kĩ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết giữa các tuần trong một mạch nội dung, và giữa các nội dung lớn với nhau. Chẳng hạn, chủ điểm *Nơi chốn thân quen* với các bài học – bài đọc: *Khu vườn tuổi thơ*, *Con suối bản tôi*, *Con đường làng*, *Bên cửa sổ dẫn dắt* và giáo dục HS từ việc biết yêu quý những gì gần bó, gần gũi, thân quen đến yêu quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc.

1.2.4. Thiết kế các hoạt động rèn luyện kĩ năng trên cơ sở đặc điểm tâm lí nhận thức của học sinh

Các hoạt động hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận đảm bảo tính tiến trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng. Chẳng hạn hoạt động đọc mở rộng (ĐMR) bắt đầu từ nêu tên văn bản, tên tác giả, nguồn của văn bản đọc, chi tiết em thích đến việc nêu nội dung, bài học rút ra, đánh giá về bài đọc; từ chia sẻ với bạn đến việc biết hỏi lại điều mình muốn bạn nói rõ hơn,...

1.2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kĩ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kĩ năng nói, nghe, đọc, viết, mỗi kĩ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kĩ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kĩ năng ngôn ngữ.

2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2

2.1. Cấu trúc chung

Theo quy định của CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK Tiếng Việt 2, Bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 350 tiết; chia thành 2 tập:

- ♦ *Tập một*: dành cho học kì I, gồm 18 tuần với 16 tuần dạy bài mới (8 chủ điểm), 1 tuần ôn tập giữa học kì và 1 tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.
- ♦ *Tập hai*: dành cho học kì II, gồm 17 tuần với 15 tuần dạy bài mới (7 chủ điểm), 1 tuần ôn tập giữa học kì và 1 tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.

Mỗi tập sách gồm *Kí hiệu dùng trong sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục* và các bài học được sắp xếp theo chủ điểm. Cuối sách có bảng *Một số thuật ngữ dùng trong sách*.

2.2. Cấu trúc chủ điểm

– *Về thời lượng*: Mỗi chủ điểm gồm 2 tuần học, mỗi tuần 10 tiết. Tùy theo kế hoạch dạy học, nhà trường có thể dạy 2 tiết trong một buổi hoặc một ngày. Cũng tùy theo kế hoạch dạy học nhà trường có thể xếp thêm 1 – 2 tiết/ tuần dành cho thực hành, ôn luyện, tạo điều kiện cho HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Về số bài và kiểu bài*: Mỗi chủ điểm có 4 bài đọc hiểu, kèm theo là những nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mỗi bài gồm 4 hoạt động chính: *Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng*.

– *Về loại thể văn bản*: Mỗi chủ điểm có 4 văn bản, lần lượt tương ứng với từng thể loại: thơ, truyện, miêu tả, thông tin.

2.3. Cấu trúc bài học chung

Mỗi chủ điểm có 4 bài học. Trong đó, bài 1 và bài 3 được phân bố trong 4 tiết, bài 2 và bài 4 được phân bố trong 6 tiết.

2.3.1. Cấu trúc bài học 4 tiết

♦ Phần 1: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu bài học là hoạt động khởi động nhằm kết nối trải nghiệm của người học với bài học và văn bản đọc.

– Phần khởi động gồm (các) câu lệnh và thường kèm tranh ảnh để khơi gợi hứng thú, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ sẵn có.

♦ Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① Đọc

* *Văn bản đọc và tranh minh hoạ*:

– Phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc được trình bày dưới phần khởi động.

– Kèm theo phần văn bản đọc có thể có phần giải nghĩa từ khó, vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc trôi chảy vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc.

* *Cùng tìm hiểu*: Sau phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc là các câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung, câu hỏi đọc hiểu hình thức và câu hỏi liên hệ, kết nối, so sánh.

* *Cùng sáng tạo*: Sau hoạt động *Cùng tìm hiểu* là hoạt động *Cùng sáng tạo* (ở bài 1 và bài 3) trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc.

② **Tập viết:** Nội dung tập viết được bố trí trong suốt 2 học kì, gồm: luyện viết chữ hoa; luyện viết câu ứng dụng.

③ **Luyện từ:** Các BT hỗ trợ HS tích lũy, hệ thống hoá và tích cực hoá vốn từ.

④ **Luyện câu:** Các BT giúp HS rèn luyện và phát triển kĩ năng tạo câu.

♦ **Phần 3: VẬN DỤNG**

Vận dụng trong phạm vi bài học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống: giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống kết hợp phát triển ngôn ngữ với hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... tạo điều kiện cho HS rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

2.3.2. Cấu trúc bài học 6 tiết

♦ **Phần 1: KHỞI ĐỘNG**

Tương tự bài học 4 tiết.

♦ **Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP**

① **Đọc:** Tương tự bài học 4 tiết.

② **Chính tả:** HS được luyện tập chính tả (nhìn – viết, nghe – viết), làm BT chính tả để tránh lỗi chính tả thường gặp.

③ **Luyện từ:** Tương tự bài học 4 tiết.

④ **Luyện câu:** Tương tự bài học 4 tiết.

⑤ **Nói và nghe** (tuần lẻ)/ **Kể chuyện** (tuần chẵn)

– **Nói và nghe:** Bao gồm các BT rèn kĩ năng nói và nghe theo nghi thức, nói và nghe tương tác.

– **Kể chuyện:** Bao gồm các nội dung hướng dẫn, gợi ý cho hoạt động kể chuyện theo các hình thức: nghe – kể, đọc – kể, xem – kể như: tên truyện, tranh minh hoạ kèm câu/ từ ngữ gợi ý/ câu hỏi về nội dung và ý nghĩa; kĩ năng kể (kể từng đoạn, kể toàn bộ, kể phân vai).

⑥ **Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn:** Bao gồm các bài học, BT thực hành viết, như viết 3 – 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý; tả hoặc giới thiệu một đồ vật gần gũi, quen thuộc; nói về tình cảm với người thân hoặc sự việc; đặt tên cho một bức tranh; viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi,...

♦ **Phần 3: VẬN DỤNG**

– ĐMR: Được thiết kế hằng tuần với thể loại, nội dung thay đổi theo chủ điểm và theo mạch kiến thức; gợi ý bố trí: sau bài đọc văn bản thông tin và văn bản miêu tả

(bài 1 và bài 4). GV hướng dẫn trước cho HS cách tìm và đọc văn bản. HS thực hiện việc tìm kiếm và đọc văn bản ngoài giờ học, trong giờ học. HS chia sẻ về văn bản đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* theo hướng dẫn của GV.

– *Vận dụng trong phạm vi bài học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống*: Tương tự bài học 4 tiết.

2.4. Cấu trúc một số bài học

2.4.1. Bài đọc

2.4.1.1. Bài đọc hiểu

Bài đọc hiểu được thiết kế gồm: Văn bản đọc → *Câu hỏi tìm hiểu bài (Cùng tìm hiểu)* → *Câu hỏi/ gợi ý luyện tập mở rộng (Cùng sáng tạo)* – hoạt động này có ở văn bản truyện và văn bản thơ. Ví dụ bài đọc ở tuần 1, chủ đề 1, trang (tr.)10, tập (t.)1.

1. Đọc



Bé Mai đã lớn

Bé Mai rất thích làm người lớn. Bé thử đủ mọi cách. Lúc đầu, bé đi giày của mẹ, buộc tóc theo kiểu của cô. Bé lại còn đeo túi xách và đồng hồ nữa. Nhưng mọi người chỉ nhìn bé và cười.



Khi mẹ chuẩn bị nấu cơm, Mai giúp mẹ nhặt rau. Trong khi mẹ làm thức ăn, Mai dọn bát đĩa, xếp thật ngay ngắn trên bàn. Cả bố và mẹ đều vui. Lúc ngồi ăn cơm, mẹ nói:

– Bé Mai nhà ta đã lớn thật rồi.

Mai cảm thấy lạ. Bé không đi giày của mẹ, không buộc tóc giống cô, không đeo đồng hồ. Nhưng bố mẹ đều nói rằng em đã lớn.

Theo Tiếng Việt 2, tập 1, 1988



1. Bài đọc nói đến ai?



2. Lúc đầu, bé Mai đã thử làm người lớn bằng những cách nào?

3. Nêu những việc làm của Mai được bố mẹ khen.



Hoa chăm chỉ

Kể tên những việc em đã làm ở nhà và ở trường.



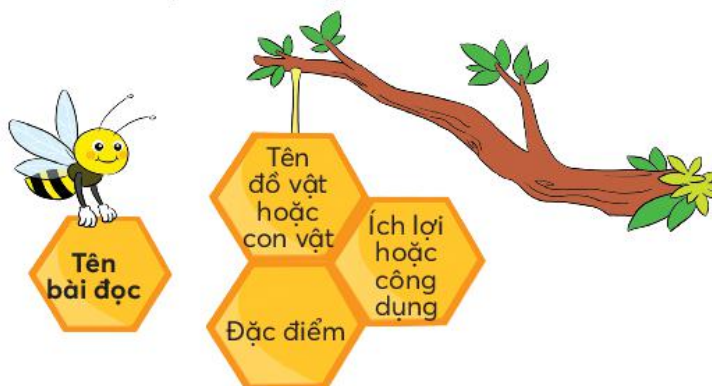
2.4.1.2. Đọc mở rộng

Sách *Tiếng Việt 2* thiết kế mỗi tuần có một bài ĐMR. Nội dung ĐMR bao gồm HS tìm đọc truyện, thơ, văn (văn bản miêu tả văn chương), bài đọc (văn bản thông tin), chia sẻ về bài/ truyện đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin cần thiết. Ví dụ BT ĐMR ở tr.97, t.1.



1. Đọc một bài đọc về đồ vật hoặc con vật:

- Chia sẻ về bài đã đọc.
- Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ.



2.4.2. Tập viết

HS cần biết viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. Các chữ viết hoa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và được tổ chức thực hiện trong các bài đọc văn bản truyện và văn bản thơ. Các câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ đề và có chứa chữ cái viết hoa vừa học. Ví dụ BT viết hoa ở tr.27, t.1.

2. Viết



Bạn bè sum họp.

2.4.3. Chính tả

2.4.3.1. Chính tả đoạn, bài

(1) Chính tả nhìn – viết: Giúp HS ghi nhớ quy tắc chính tả, các hình thức chữ viết của một số chữ có quy tắc, chữ có âm vần khó, chữ chứa hiện tượng chính tả ngữ nghĩa; cách trình bày một số thể loại văn bản (đoạn văn, thơ, ca dao,...) qua các bài chính tả chép lại các đoạn văn, thơ trích từ trong bài đọc hoặc ở ngoài bài đọc. Ví dụ: bài chính tả ở tr.54, t.1.

2. Viết

- Nhìn – viết: **Mẹ** (6 dòng thơ cuối).
- Tìm từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k**:
 - Trong bài chính tả
 - Ngoài bài chính tả

(2) Chính tả nghe – viết: Giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn qua việc nghe – viết các đoạn văn, thơ trích từ trong bài đọc hoặc ở ngoài. Ví dụ bài chính tả ở tr.94, t.1.

2. Viết

a. Nghe – viết:

Chị tẩy và em bút chì

Bút chì ngồi vẽ dãy núi và dòng sông dưới vầng mặt trời toả sáng. Chị tẩy giúp em xoá những nét vẽ thừa. Bức tranh vẽ xong, cả hai chị em cùng ngắm và mỉm cười.

Theo Trần Hoài Dương



2.4.3.2. Chính tả âm, vần

(1) Chính tả bắt buộc

– **Chính tả có quy tắc:** được bố trí ở học kì 1, được thiết kế dưới dạng các BT (điền vào chỗ trống, tìm từ dựa trên hình ảnh/ nghĩa, giải câu đố,...). Ví dụ BT chính tả ở tr.94, t.1.

b. Tìm từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k** gọi tên từng sự vật, hoạt động dưới đây:



– **Chính tả ngữ nghĩa:** được thiết kế dưới nhiều kiểu dạng bài tập (điền, đặt câu, thay thế, chữa lỗi). Ví dụ bài tập ở tr. 102, t.2.

b. Chọn con ốc có từ ngữ viết sai và cho biết cách chữa:



(2) Chính tả lựa chọn: bao gồm các bài chính tả phương ngữ được thiết kế dưới dạng bài tập lựa chọn – so sánh. Ví dụ BT chính tả ở tr.70, t.2.

(c) Chọn vần thích hợp với mỗi  và thêm dấu thanh (nếu cần):

- Vần **iu** hoặc vần **iêu**.

Những hạt sương mát d 

N  nhau tr  trên cành

Bầu trời rất là xanh

Nắng vàng đang kh  vũ.

Theo Nhật Quang

- Vần **an** hoặc vần **ang**.

Ngon gió thì quen bò ng 

Ngon gió xa mẹ l  thang đêm ngày.

Ngon mướt thì ưa leo cây

Rủ đ  bướm đến nhảy dây khắp gi .

Theo Nguyễn Ngọc Oánh

2.4.4. Luyện từ và câu

2.4.4.1. Luyện tập sử dụng từ

HS được mở rộng vốn từ và rèn luyện sử dụng từ qua các BT về tìm từ theo cấu tạo, theo nghĩa (từ vựng, ngữ pháp), lựa chọn từ, thay thế từ, điển từ,... Ví dụ BT ở tr.47, t.1.

3. Thực hiện các yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ có nghĩa phù hợp với mỗi dòng sau:

- Người sinh ra em
- Người sinh ra bố em
- Người sinh ra mẹ em

b. Tìm thêm 3 – 5 từ chỉ người trong gia đình (theo mẫu).

M: anh, em,...

2.4.4.2. Luyện tập đặt câu

BT luyện tập đặt câu luôn được bố trí song hành với BT luyện từ. HS được rèn luyện sử dụng từ đặt câu qua các BT nhận diện về câu, bộ phận câu, dấu câu, mở rộng câu,... Ví dụ BT ở tr.111, t.1.

4. Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

- a. Đặt 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 3.
- b. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:
 - Thư viện trường em **rất yên tĩnh**.
 - Sân trường **rộng rãi, nhiều cây xanh**.

M: – Phòng học lớp em **sạch sẽ**.

→ Phòng học lớp em **thế nào?**

2.4.5. Nói và nghe

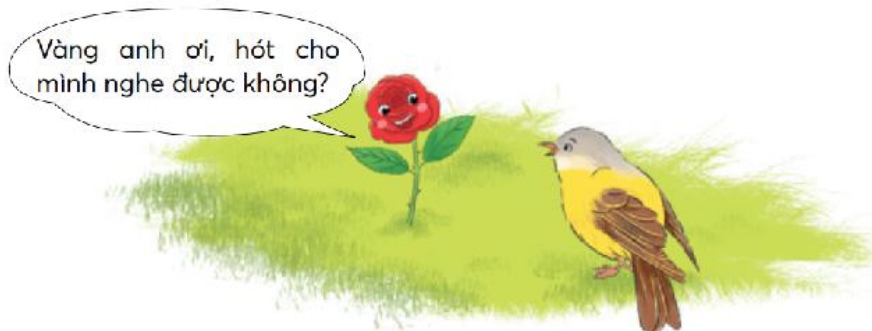
2.4.5.1. Nói và nghe kết nối bài học

Các dạng BT của kiểu bài này chủ yếu gồm: nói về tranh minh hoạ và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề. Một số hình thức BT nói và nghe kết nối bài học:

(1) Nói về tranh minh hoạ và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh. Ví dụ BT ở tr.48, t.2.

5. Nói và nghe

- a. Cùng bạn đóng vai hoa hồng và vàng anh để nói và đáp lời đồng ý phù hợp với tình huống sau:



- b. Đóng vai, nói và đáp lời bày tỏ ý kiến không đồng ý trong từng trường hợp sau:
 - Anh trai rủ em trèo cây hái quả chín.
 - Bạn rủ em ra sông tắm.

(2) So sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh từ đó kết nối điều mình vừa tìm hiểu với điều sẽ luyện tập. Ví dụ BT ở tr.136, t.1.

a. Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn trong từng trường hợp sau:



(3) Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề từ đó nhận ra nội dung sẽ học. Ví dụ BT ở tr.32, t.1.

5. Nói và nghe

a. Nói lời đáp của bạn Lam trong từng trường hợp sau:



b. Cùng bạn nói và đáp lời khen về món quà.



2.4.5.2. Nói và nghe theo nghi thức giao tiếp

Các nghi thức giao tiếp được rèn luyện chủ yếu thông qua các tình huống gắn với văn bản đọc hoặc tình huống gắn gũi trong đời sống của HS. Ví dụ BT ở tr.32, t.2.

5. Nói và nghe

- a. Theo em, Minh nên nói thế nào để mời bà và mẹ thưởng thức món chè sen?



- b. Đóng vai bà và mẹ của Minh, nói và đáp lời khen:

- Hoa sen mẹ và Minh mới hái ngoài đầm.
- Món chè sen mẹ nấu.

2.4.5.3. Hỏi – đáp tương tác

Các dạng BT hỏi – đáp tương tác bao gồm: Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý và luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học. Ví dụ BT tr.64, t.2.

5. Nói và nghe

- a. Đọc lời của các nhân vật trong tranh.



- b. Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với từng tình huống sau:

- Bà kể cho em nghe một câu chuyện thú vị.
- Bạn cho em mượn một tập thơ viết về quê hương.

2.4.5.4. Nghe – nói trong kể chuyện

Các dạng BT chủ yếu gồm: Nghe – kể lại câu chuyện đã nghe, đọc – kể lại câu chuyện đã đọc, xem tranh – kể chuyện dựa vào nội dung tranh và một số gợi ý. Ví dụ bài kể chuyện ở tr.112, t.1.

5. Kể chuyện

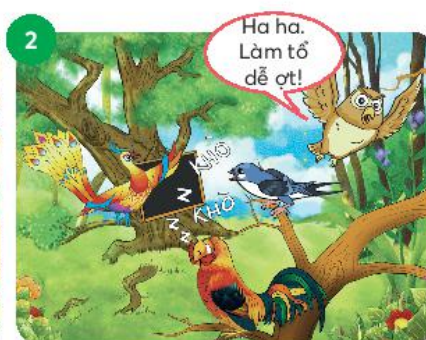
- Nghe kể chuyện.
- Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh.

Loài chim học xây tổ

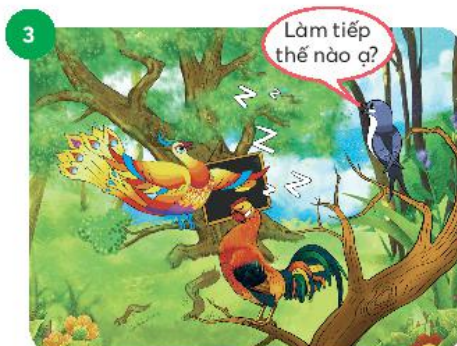
Theo Truyện cổ tích Ấn Độ, Thái Bình kể



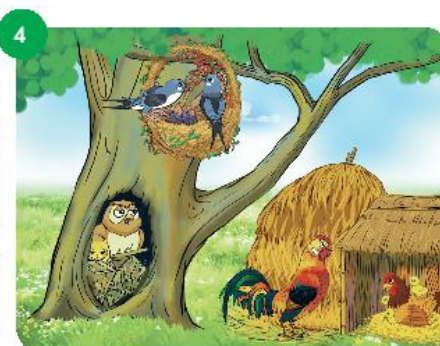
Thầy giáo phượng hoàng ...



Khi phượng hoàng nói cần tìm nơi làm tổ trên cây, cú ...



Khi phượng hoàng tiếp tục giảng giải, chim én ...



Nhờ chịu khó nghe giảng, chim én ...

- Kể lại toàn bộ câu chuyện.

2.4.6. Tập làm văn

Theo yêu cầu của chương trình lớp 2, HS bắt đầu được rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn ngắn. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết đoạn văn được sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp (nói → viết, 2 – 3 câu → 3 – 4 câu → 4 – 5 câu), không quá chú trọng kỹ năng kết nối các câu thành đoạn văn, chủ yếu hướng dẫn HS cách tìm và phát triển ý tưởng cho nội dung nói, viết. Yêu cầu bài tập thường gắn gũi, gắn với nội dung văn bản đọc hoặc gắn với thực tiễn cuộc sống, bao gồm các nội dung:

2.4.6.1. Quy trình viết

– Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của GV, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

– Mỗi kiểu bài thường được dạy trong 2 – 4 tiết. Quy trình phân tích mẫu, viết nháp chủ yếu được thực hiện thông qua các tiết 1 và 3 của mỗi kiểu bài. Để việc viết nháp có hiệu quả, HS có thể học hỏi lẫn nhau, GV có thể hướng dẫn viết nháp trên cùng một đề bài, một đối tượng.

2.4.6.2. Thực hành viết

– Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý. Ví dụ bài thuật việc được chứng kiến ở tr.16 – 17, t.2.

6. Thuật việc được chứng kiến

a. Dựa vào từ ngữ gợi ý, nói lại nội dung mỗi bức tranh bằng một câu.

Người nặn tò he



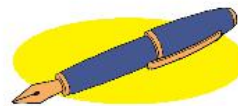
b. Viết 4 – 5 câu về việc nặn tò he của bác Huấn.

– Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý. Ví dụ bài tả đồ vật quen thuộc (tiết 1) ở tr.120 – 121, t.1.

6. Tả đồ vật quen thuộc

a. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Cây bút máy của em dài chừng một gang tay. Thân bút trơn và tròn, màu xanh lam. Trên nắp bút có cây cài nho nhỏ, được mạ vàng óng ánh. Mở nắp bút ra, chiếc ngòi xinh xinh sáng lấp lánh như mỉm cười với em. Em luôn biết ơn người bạn thân này vì đã giúp em viết bài sạch đẹp mỗi ngày.



- Bạn nhỏ tả những đặc điểm nào của chiếc bút?

Hình dáng, kích thước, màu sắc

Hình dáng, chất liệu, màu sắc

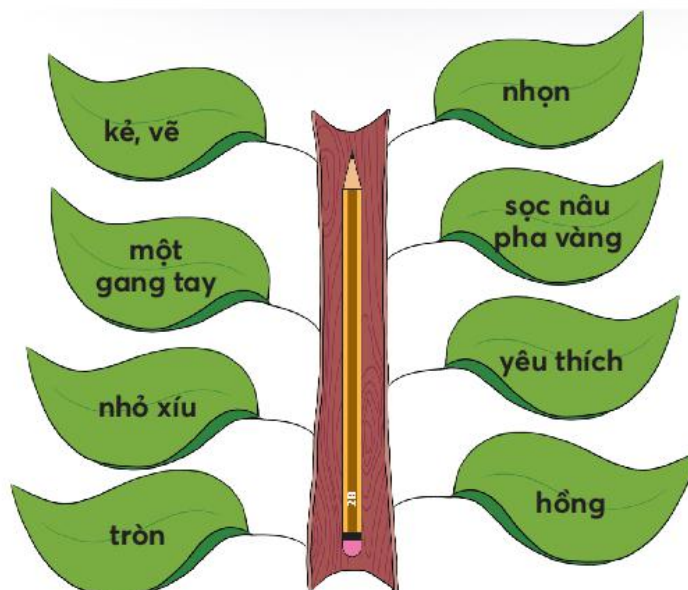
Hình dáng, kích thước, chất liệu

- Bạn nhỏ dùng từ ngữ nào để tả mỗi bộ phận của chiếc bút máy?



- Câu văn nào thể hiện tình cảm của bạn nhỏ đối với chiếc bút máy?

b. Viết 4 – 5 câu về chiếc bút chì dựa vào hình vẽ và từ ngữ gợi ý.



– Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý. Ví dụ bài luyện tập nói, viết về tình cảm với người thân (tiết 3) ở tr.104 – 105, t.2.

6. Nói, viết về tình cảm với người thân

a. Sắp xếp các câu dưới đây theo thứ tự hợp lí để tạo thành đoạn văn.

- Đón em về, ông lại cùng em tưới cây hay chơi cờ.
- Em luôn mong ông nội mạnh khỏe, sống lâu.
- Thỉnh thoảng, ông còn chở em đi nhà sách, công viên và cùng em đọc sách, chơi trò chơi.
- Trong nhà, ông nội là người gần gũi với em nhất.
- Mỗi sáng và chiều, ông đều đưa đón em đi học đúng giờ.



b. Đọc đoạn văn trên và trả lời câu hỏi:

- Đoạn văn viết về tình cảm của ai với ai?
- Hằng ngày, ông cùng bạn nhỏ làm những việc gì?
- Tình cảm của bạn nhỏ với ông ra sao?

c. Viết 4 – 5 câu về tình cảm của em với anh (chị hoặc em) của em theo gợi ý:

- Anh (chị hoặc em) tên là gì?
- Em và anh (chị hoặc em) thường cùng nhau làm gì?
- Tình cảm của em với anh (chị hoặc em) như thế nào?

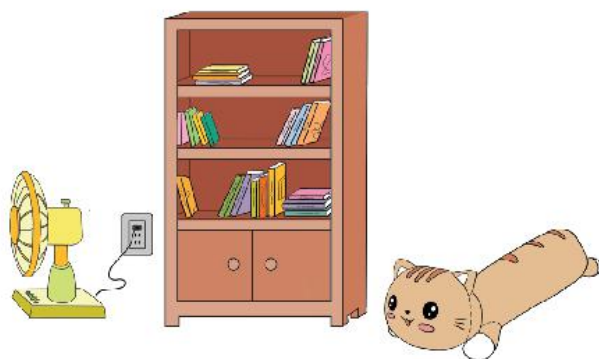


– Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý. Ví dụ bài luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (tiết 2) ở tr.97, t.1.

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

a. Nói 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng trong nhà quen thuộc với em theo gợi ý:

- Đó là đồ vật gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó có đặc điểm gì nổi bật?
- Đồ vật đó giúp ích gì cho em?



b. Viết vào vở nội dung em vừa nói.

– Biết đặt tên cho một bức tranh. Ví dụ BT đặt tên cho bức tranh (tiết 1) ở tr.41, t.1.

6. Đặt tên cho bức tranh

a. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

- Bức tranh có tên là gì?
- Bạn Lam có những nét gì đáng yêu?
- Theo em, vì sao bức tranh có tên như vậy?

b. Giới thiệu với bạn bức tranh em thích. Nói về tên bức tranh mà em đã đặt.



– Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi. Ví dụ BT viết bưu thiếp ở tr.73, t.1.

6. Viết bưu thiếp

a. Đọc bưu thiếp sau và trả lời câu hỏi:



- Bạn Tùng viết bưu thiếp gửi cho ai?
 - Bạn Tùng viết bưu thiếp nhân dịp gì?
 - Bạn Tùng viết những nội dung gì trong bưu thiếp?
- b. Viết bưu thiếp chúc mừng sinh nhật một người thân.

Mỗi kiểu bài, gợi ý được thiết kế đa dạng, gồm cả kênh chữ (từ ngữ, câu hỏi, đoạn văn) và kênh hình (hình minh họa, tranh ảnh, sơ đồ,...) vừa tạo hứng thú vừa có giá trị khơi gợi giúp HS sáng tạo trong nói, viết.

2.4.7. Bài ôn tập

Kiểu bài ôn tập gồm ôn tập giữa và cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm được học trước đó/ các chủ điểm được học trong học kì tương ứng. Đồng thời, ở kiểu bài ôn tập, HS được ôn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, được củng cố và phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Thêm vào đó, ở bài ôn tập cuối kì còn có đề tham khảo để GV tập luyện cho HS thực hiện kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.4.7.1. Bài ôn tập giữa học kì

Nội dung ôn tập giữa học kì được phân bố trong 5 bài, mỗi bài 2 tiết, gồm:

- Ôn tập 1: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản truyện; ôn luyện viết hoa.
- Ôn tập 2: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản thông tin; ôn luyện chính tả.
- Ôn tập 3: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu, học thuộc lòng văn bản thơ; ôn luyện kể chuyện.
- Ôn tập 4: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả; ôn luyện từ ngữ, câu.

– Ôn tập 5: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản; ôn luyện viết đoạn và đọc mở rộng.

2.4.7.2. Bài ôn tập, kiểm tra – Đánh giá cuối học kì

(1) Bài ôn tập

Nội dung ôn tập cuối học kì được phân bố trong 2 bài, mỗi bài 3 tiết, gồm:

– Ôn tập 1: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu; viết hoa; từ ngữ, câu; nói và nghe; đọc mở rộng.

– Ôn tập 2: Ôn luyện đọc lưu loát, đọc hiểu; chính tả; từ ngữ, câu; viết 4 – 5 câu.

(2) Bài kiểm tra – đánh giá cuối học kì

Để kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cuối học kì được sách trình bày với dụng ý để GV tham khảo và cho HS luyện tập các kĩ năng đọc lưu loát, đọc hiểu, chính tả, nói và nghe, viết đoạn dựa vào gợi ý. GV có thể thiết kế dưới dạng *Phiếu bài tập* hoặc sử dụng *Vở bài tập* cho HS luyện tập.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Theo định hướng chung của CT giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của HS. Trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện kiến thức. Qua đó, HS rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khởi động, khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động vận dụng (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện BT, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xê-mi-na, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tùy theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Trong một giờ học, GV hoàn toàn được trao quyền tự chủ đối với việc lựa chọn phương pháp dạy học. Có thể nói, đây là một trong những hoạt động giúp GV thể hiện được bản lĩnh chuyên môn cũng như nghệ thuật dạy học của mình.

Tuy vậy, việc lựa chọn phương pháp dạy học cũng cần được thực hiện trên cơ sở một số căn cứ:

– *Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính của bài để lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp.*

Ví dụ: Nếu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính của giờ học là rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng thì GV cần chú trọng luyện đọc thành tiếng cho từng cá nhân. Trên cơ sở đó, cần chọn hình thức học cá nhân (từng HS đọc trước lớp), học nhóm (đọc nối tiếp trong nhóm) và học theo lớp (nghe đọc mẫu, thi đọc giữa các nhóm). GV cần hướng dẫn HS kĩ thuật đọc để HS có thể đọc thành tiếng có hiệu quả, đọc đúng tiến tới đọc nhanh (đạt tốc độ quy định). Có thể đi từ đọc thầm (cá nhân) → đọc nhỏ (trong nhóm) → đọc to (trước lớp). Nếu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính của giờ học là rèn luyện kĩ năng đọc hiểu thì GV cần chú trọng hệ thống câu hỏi, BT, phương pháp, hình thức tổ chức đọc hiểu. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, BT được giới thiệu trong sách học sinh (SHS), GV có thể điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng HS, đảm bảo mỗi bài đọc có đủ câu hỏi đọc hiểu nội dung, câu hỏi đọc hiểu hình thức, câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối. GV cũng là người quyết định hình thức tổ chức hoạt động: tìm hiểu bài cá nhân hay cặp, nhóm; hình thức thể hiện sản phẩm hoạt động: nói bằng lời, viết, vẽ,... hay sơ đồ hoá nội dung câu trả lời, trò chơi học tập,...

– *Căn cứ vào đặc trưng của từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe để lựa chọn các phương pháp và kĩ thuật dạy học.* Trong những năm gần đây, GV đã được tiếp cận với nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể vận dụng vào các nội dung dạy đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Việt. GV cũng là người được toàn quyền linh hoạt lựa chọn một hoặc một số phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với nội dung học, phù hợp với đặc điểm HS của lớp mình và phù hợp với điều kiện dạy học của lớp.

Ví dụ: Để dạy đọc văn bản thơ, GV có thể chọn kĩ thuật trò chơi để tổ chức cho HS chơi đọc truyền điện từng khổ thơ trong nhóm; kĩ thuật thay từ bằng hình, kĩ thuật xoá dần để hướng dẫn HS học thuộc lòng hay tổ chức cuộc thi đọc thuộc lòng khổ thơ, bài thơ giữa các nhóm; dùng kĩ thuật *Chúng em biết 3* để khởi động bài học; dùng kĩ thuật *Trình bày 1 phút* để tổ chức cho HS chia sẻ những điều em biết có liên quan đến bài thơ trước khi đọc; GV có thể dùng kĩ thuật này để tổ chức cho HS nói về ý nghĩa của một số hình ảnh, chi tiết em thích trong bài,... Để dạy mở rộng vốn từ, GV có thể sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* hay *Mảnh ghép* để tổ chức cho cá nhân HS tìm từ, tìm hiểu nghĩa từ. Trên cơ sở đó, HS chia sẻ và thụ hưởng kết quả tìm từ của bạn để tích luỹ vốn từ.

Tương tự như chọn phương pháp dạy học cho hoạt động đọc, khi dạy hoạt động viết, nói và nghe hay kiến thức tiếng Việt, GV cũng cần chọn những phương pháp dạy học đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính và đặc trưng của hoạt động.

Một điểm đặc biệt lưu ý, GV cần biết “mềm hoá” quy trình tổ chức từng nhóm hoạt động dạy học trong các giờ học, giúp HS học tập linh hoạt, khơi gợi được sự hứng thú, sáng tạo của các em trong quá trình học tập.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Thực hiện CT giáo dục phổ thông 2018, việc đánh giá HS căn cứ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học* có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2020, thực hiện theo lộ trình 5 năm, áp dụng đối với lớp 2 từ năm học 2021 – 2022.

Theo *Quy định đánh giá HS tiểu học*, môn Tiếng Việt cũng thực hiện *đánh giá thường xuyên* và *đánh giá định kì*.

– **Đánh giá thường xuyên** là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

– **Đánh giá định kì** là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong CT giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Môn Tiếng Việt lớp 2 thực hiện đánh giá định kì vào cuối học kì I và cuối học kì II.

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá HS tiểu học đối với môn Tiếng Việt:

– **Phương pháp quan sát:** GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, có thể sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS, bao gồm:

+ *Quan sát quá trình:* GV cần chú ý đến những hành vi của HS như: sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc,...) giữa các HS với nhau trong nhóm,... (hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học hay ngồi im thụ động,...).

+ *Quan sát sản phẩm:* HS phải tạo ra sản phẩm học tập và GV sẽ quan sát, cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Một số quan sát được tiến hành có chủ định và định trước, như trong trường hợp GV đánh giá HS khi các em đọc bài tập đọc trong nhóm hoặc trình bày một nội dung trước lớp (nói và nghe tương tác hay nói phục vụ viết sáng tạo,...). Khi HS đọc bài trước

lớp, GV có thể theo dõi và lắng nghe xem HS phát âm có rõ ràng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin hay không,... Những quan sát như thế đã được định sẵn nên GV có thời gian để chuẩn bị cho HS và xác định trước từng hành vi cụ thể nào sẽ được quan sát.

– Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– Phương pháp vấn đáp: GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

Tùy theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài học, GV có thể đặt câu hỏi vấn đáp gợi mở, vấn đáp củng cố, vấn đáp tổng kết hay vấn đáp kiểm tra.

– Phương pháp kiểm tra viết: GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, BT được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của CT, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

4.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

– Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của HS được thực hiện theo tiến trình nội dung của môn học, trong đó bao gồm cả quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

– Trong đánh giá thường xuyên, GV sử dụng các kĩ thuật quan sát, theo dõi; trao đổi, phỏng vấn; kiểm tra nhanh (phiếu, vở); nhận xét (lời, viết),...

– Trong đánh giá thường xuyên, GV cần lưu ý ghi những nhận xét đáng chú ý nhất vào *Nhật kí đánh giá* (nếu có): những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; biện pháp cụ thể giúp HS vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân, nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

– Tham gia đánh giá thường xuyên hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập gồm: GV, HS (tự đánh giá và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích sự tham gia đánh giá của cha mẹ HS.

– Để thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình tổ chức dạy học Tiếng Việt, căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu cần đạt của bài học, của mỗi hoạt động mà HS phải thực hiện trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau:

+ Quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, nhóm HS theo tiến trình dạy học;

+ Nhận xét bằng lời nói trực tiếp với HS hoặc viết nhận xét vào phiếu, vở của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được; mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức; mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu của bài học, hoạt động của HS;

+ Quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS; áp dụng biện pháp cụ thể để kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Do năng lực Tiếng Việt của HS trong cùng một lớp có thể không đồng đều nên có thể chấp nhận sự khác nhau về thời gian, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

– Đối với đánh giá thường xuyên môn Tiếng Việt lớp 2, cần lưu ý:

+ Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

(1) HS nói đúng chủ điểm, nội dung và mục tiêu cần luyện tập.

(2) HS biết điều chỉnh âm lượng giọng nói phù hợp với từng hoàn cảnh (nhóm nhỏ, lớp).

(3) HS biết thể hiện sự quan tâm, chú ý khi lắng nghe khi bạn nói, có thái độ lắng nghe tích cực.

(4) HS bước đầu biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cơ thể, điệu bộ, gương mặt, giọng nói, cử chỉ,...) khi tham gia hoạt động nói và nghe.

+ Đánh giá hoạt động đọc

Có 2 nội dung đánh giá: đánh giá đọc hiểu và đánh giá đọc lưu loát.

• Về đọc lưu loát (đọc thành tiếng): GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng* trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

• Về đọc hiểu: GV cần đánh giá các khả năng:

(1) Nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, từ ngữ chỉ hình dáng, hành động, màu sắc, âm thanh được thể hiện tường minh trong văn bản.

(2) Chỉ ra được nội dung, chủ điểm của văn bản thông qua gợi ý.

(3) Liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

* Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

(4) Liên hệ nội dung văn bản với đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 60 chữ (học kì I); 70 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng; văn bản có độ dài khoảng 160 – 180 chữ (học kì I); 180 – 200 chữ (học kì II) cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

+ Đánh giá hoạt động viết

Có 2 nội dung đánh giá hoạt động viết của HS:

- Đánh giá kĩ thuật viết được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Tập viết (viết chữ hoa, viết chữ thường, viết câu ứng dụng).

(2) Chính tả (nhìn – viết, nghe – viết, lớp 2 chủ yếu là nghe – viết).

- Đánh giá kĩ năng viết được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Viết sáng tạo dưới các hình thức như viết theo mẫu câu.

(2) Điền phần thông tin còn trống.

(3) Viết theo gợi ý (lớp 2: viết 3 – 4 – 5 câu). Ở kĩ năng viết này, GV chủ yếu đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích.

*** Lưu ý:** ① Tránh việc chú trọng đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

② GV cần thể hiện 4 vai trò khi đánh giá bài viết của HS: độc giả; người trợ giúp; người đánh giá; giám khảo.

③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

+ Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói, nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

*** Lưu ý:** Khi kiểm tra, đánh giá, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, ví dụ: *Con đã đọc tốt hơn rồi!, Con rất chăm chỉ., Con đã viết đúng và đẹp hơn.; Con cần cố gắng hơn nhé!;* tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chữ nguệch ngoạc, câu thừa., Cần chăm chỉ hơn!; Sai, bạn nào giúp bạn?, Tốt., Rất giỏi., Đáng khen.,...*

4.2. Kiểm tra, đánh giá định kì

4.2.1. Quy trình xây dựng đề kiểm tra định kì

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của HS? Vào thời điểm nào? Đối tượng HS nào?...).

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận để kiểm tra (dựa vào mục đích đánh giá, chuẩn kiến thức, kĩ năng, nội dung trọng tâm cốt lõi... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá).

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/ BT (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các chủ đề nội dung cụ thể của bước 2).

Bước 4: Dự kiến các phương án trả lời (đáp án) các câu hỏi/ BT ở bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi/ BT (căn cứ vào số lượng câu hỏi/ BT, các mức và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống HS sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số).

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (Rà soát lại các câu hỏi/ BT, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở bước 1, bước 2. Nếu có điều kiện – đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi/ BT hoặc xác định được các mục đích đánh giá định kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi/ BT tương tự trong suốt quá trình dạy học).

4.2.2. Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kì

4.2.2.1. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

(1) Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân HS):

* **Mục tiêu:** Nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe nói (HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc).

* **Nội dung kiểm tra:**

– HS đọc một đoạn văn trong các bài tập đọc đã học ở sách Tiếng Việt lớp 2 hoặc một đoạn văn do GV lựa chọn và chuẩn bị trước (ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang hoặc in nội dung bài/ đoạn đọc vào phiếu cho từng HS bốc thăm rồi đọc thành tiếng).

– HS trả lời một câu hỏi về nội dung của đoạn đã đọc do GV nêu ra (Có thể ghi câu hỏi ở cuối bài đọc trong phiếu).

* **Tiêu chí đánh giá:**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu.
- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng).
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa.
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

(2) Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả HS).

* *Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (kĩ năng về từ và câu của HS).

* *Phân bố điểm cho các nội dung kiểm tra:* có thể phân bố điểm như sau:

- Đọc hiểu văn bản: khoảng 2/3 tổng số điểm.
- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt: khoảng 1/3 tổng số điểm.

Thông thường, điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối...) là 0,5 điểm, điểm tối đa cho mỗi câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3) là 1 điểm.

* *Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức:* Có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1 khoảng 40%; Mức 2 khoảng 30%; Mức 3 khoảng 30%.

* *Thời gian làm bài kiểm tra:* khoảng 35 – 40 phút.

* *Một số chỉ dẫn biên soạn để kiểm tra theo ma trận:*

– Bài đọc hiểu thường gồm một văn bản (truyện, bài văn, bài thơ, văn bản khoa học thường thức), tổng độ dài của các văn bản theo quy định của chương trình, thời gian đọc thầm khoảng 2 – 3 phút (căn cứ vào yêu cầu cần đạt môn Tiếng Việt lớp 2 để tính cho cuối học kì I).

– Câu hỏi trắc nghiệm khách quan: gồm dạng câu hỏi có kèm 3 – 4 phương án trả lời để HS lựa chọn; câu hỏi yêu cầu điền ngắn (điền một từ hoặc cụm từ, điền dấu câu vào chỗ trống), câu hỏi nối cặp đôi, câu hỏi Đúng – Sai phức hợp,...

– Câu hỏi tự luận: yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời (một hoặc một vài câu) dùng để nêu ý kiến cá nhân/ giải thích ngắn về một chi tiết trong bài đọc; trình bày cách phân loại hoặc sắp xếp ý trong bài đọc theo yêu cầu; viết câu có các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp đã học,...

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 1 phút.

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi tự luận: từ 2 – 4 phút.

4.2.2.2. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

(1) Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả HS)

* *Mục tiêu:* Nhằm kiểm tra kĩ năng viết chính tả của HS.

* *Nội dung kiểm tra:* GV đọc cho HS cả lớp viết (nghe – viết) một đoạn văn (hoặc thơ) phù hợp với chủ điểm đã học tính đến thời điểm kiểm tra (số chữ theo quy định của CT). Có thể kết hợp kiểm tra chính tả âm/ vần trong trường hợp cần thiết.

* *Thời gian kiểm tra:* khoảng 15 phút.

* *Tiêu chí đánh giá bài viết của HS:*

- Tốc độ đạt yêu cầu.
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ.
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi).
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp.

(2) Kiểm tra viết đoạn, bài (bài kiểm tra viết cho tất cả HS)

* *Mục tiêu:* Nhằm kiểm tra kĩ năng viết đoạn văn của HS.

* *Nội dung kiểm tra:*

- HS viết theo yêu cầu của đề bài thuộc nội dung CT đã học ở từng học kì.
- Đề kiểm tra viết đoạn, bài đánh giá tổng hợp được những nội dung học tập sau: kĩ năng viết chữ; kĩ năng viết chính tả; kĩ năng dùng từ, đặt câu; kĩ năng viết đoạn văn đơn giản có độ dài khoảng 4 – 5 câu.

– *Hướng dẫn chấm điểm chi tiết* (xác định các mức độ cần đạt theo từng mức điểm tùy theo đề bài cụ thể):

+ Nội dung: HS viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu/ gợi ý nêu trong đề bài.

+ Kĩ năng: đánh giá được các kĩ năng:

- Kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả
- Kĩ năng dùng từ, đặt câu
- Tính sáng tạo thể hiện qua bài viết

* **Lưu ý:** ① Điểm số cho từng nội dung kiểm tra, từng tiêu chí đánh giá thực hiện theo hướng dẫn chung đối với lớp 2.

② Đề trong sách Tiếng Việt 2 là một ví dụ để GV dùng cho HS luyện tập, đồng thời dùng tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá kết quả cuối học kì và cuối năm.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

Cùng với hệ thống SHS, sách giáo viên (SGV), vở bài tập (VBT), vở tập viết (VTV), Công ty Cổ phần dịch vụ Xuất bản Giáo dục (CPDVXBGD) Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXB GD VN) đã xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SHS *Tiếng Việt 2*, thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, gồm:

- Sách tham khảo bám sát khung năng lực của CT 2018.

- Sách ĐMR và hướng dẫn ĐMR theo CT 2018
- Tài liệu dạy – học tham khảo
- Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học
- Sách điện tử (Ebook): SGK, kho tư liệu điện tử mở rộng dành cho GV, HS tham khảo,...
- Kho phim (video clip) các bài học được thiết kế hoạt hình 3D một cách sinh động, được sử dụng làm tài liệu hỗ trợ giảng dạy trên lớp, giúp các em HS thêm hứng thú học tập, khám phá kiến thức.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

GV, phụ huynh HS và HS có thể tìm mua sách và các tài liệu dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp 2 tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. GV, phụ huynh HS và HS cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Công ty CP DVXBGD Gia Định – NXB GD VN xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho tài liệu này được hướng dẫn cụ thể trên trang điện tử (website) của Công ty: <https://chantroisangtao.vn/mon-hoc/tieng-viet/>.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ XẾP THỜI KHOÁ BIỂU

CT giáo dục phổ thông năm 2018 nói chung và CT môn Tiếng Việt tiểu học nói riêng được thiết kế theo hướng mở và trao quyền cho nhà trường, GV nhiều hơn trong việc xây dựng kế hoạch dạy học. Theo định hướng đó, SHS và SGV Tiếng Việt 2 được biên soạn không theo phân môn để nhà trường và GV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khoá biểu cũng như tích hợp với các hoạt động giáo dục khác.

Thời lượng môn Tiếng Việt ở lớp 2 là 10 tiết/ tuần với cấu trúc chủ điểm, tuần và bài học đã nêu ở mục *Cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Việt 2*. Theo đó, việc lập kế hoạch dạy học và xếp thời khoá biểu khá thuận lợi đối với các địa phương học 2 buổi/ ngày cũng như 1 buổi/ ngày. Với 10 tiết/ tuần, GV có thể xếp đều 2 tiết/ ngày. Với cách xếp này, những bài 4 tiết (bài số 1 và số 3) sẽ học trong 2 ngày, những bài 6 tiết (bài số 2 và số 4) sẽ học trong 3 ngày.

Việc phân tách các nội dung dạy học ở từng bài theo tiết chỉ có tính chất gợi ý. Tùy điều kiện thực tế địa phương và tùy từng đối tượng HS, GV có thể linh hoạt điều chỉnh thời gian cho các hoạt động dạy học ở từng bài.

PHẦN HAI

MỘT SỐ GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Nối tiếp lớp 1, hoạt động khởi động ở mỗi bài học Tiếng Việt lớp 2 thiết kế với mục đích huy động kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của HS để dẫn dắt vào bài đọc. Đồng thời, thông qua hoạt động khởi động, HS có thêm cơ hội rèn luyện kỹ năng nói và nghe, góp phần hình thành kỹ năng nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của CT lớp 2, cũng như đóng góp vào quá trình hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

Hoạt động khởi động mở đầu mỗi bài học Tiếng Việt lớp 2 được thiết kế đa dạng, bao gồm:

1.1. Nói/ chia sẻ về một nội dung liên quan đến bài học

Ví dụ Bài 2, tr.13, t.1:



Nói với bạn những việc em làm trong ngày theo gợi ý:



Ví dụ Bài 4, tr.21, t.1:



Nói về những điểm đáng yêu ở một người bạn của em theo gợi ý:



1.2. Nói/ chia sẻ về tranh minh họa bài học

Ví dụ Bài 3, tr.42, t.1:

3 **BỐ MẸ YÊU THƯƠNG**

Bài 1 **Bọ rùa tìm mẹ**

Chia sẻ với bạn về các hình ảnh em thấy trong bức tranh dưới đây:



1. Đọc

Bọ rùa tìm mẹ

Bọ rùa đang ngồi chờ mẹ. Bỗng, nó thấy chị châu chấu có bộ cánh xanh biếc bay ngang bụi cúc. Nó liền lấy giấy bút ra vẽ. Châu chấu nhảy đi, bọ rùa vội đuổi theo nên lạc đường.

1.3. Trao đổi theo cặp, nhóm về một nội dung liên quan đến bài học

Ví dụ Bài 3, tr.18, t.1:



1. Đọc các nội dung trên tờ lịch.
2. Trao đổi với bạn: Chúng ta cần lịch để làm gì?



1.4. Trò chơi với các chữ cái

Ví dụ Bài 1, tr.58, t.1:



Ghép chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) thành những từ ngữ chỉ người trong gia đình:



1.5. Vận động theo nhạc

Ví dụ Bài 3, tr.90, t.1:



1.6. Giải câu đố

Ví dụ Bài 3, tr.34, t.2:



Đố bạn về các mùa:

Mùa gì cho lá xanh cây
Cho bé thêm tuổi má hây hây hồng?
(Là mùa gì?)

Mùa gì bé đón trăng rằm
Rước đèn phá cỗ chị Hằng cùng vui?
(Là mùa gì?)

Thông thường, hoạt động khởi động được tổ chức gồm 4 bước:

- **Bước 1:** HS phân tích yêu cầu hoạt động và gợi ý (nếu có).
- **Bước 2:** HS thực hành hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.
- **Bước 3:** Một số cặp/ nhóm HS chia sẻ trước lớp. Nội dung chia sẻ có thể theo một trong các hướng:
 - + HS nói đơn thoại về nội dung bản thân đã chia sẻ trong cặp/ nhóm;
 - + HS hỏi đáp – theo cặp;
 - + HS nói đơn thoại về nội dung đã được nghe bạn chia sẻ trong cặp/ nhóm;
 - + ...
- **Bước 4:** GV kết nối nội dung chia sẻ với bài học.

2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY ĐỌC

2.1. Hướng dẫn dạy học đọc

2.1.1. Dạy đọc lưu loát (đọc thành tiếng) gồm 4 bước:

– *Bước 1:* GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc.

– *Bước 2:* GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

– *Bước 3:* GV tổ chức cho HS luyện đọc thành tiếng theo nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (chỉ đọc nối tiếp câu đối với đối tượng HS đọc thành tiếng chưa tốt). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân.

Ngoài ra, tùy vào bài cụ thể, nếu có trường hợp do không hiểu nghĩa từ, HS ngắt nhịp không đúng, GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của những từ đó bằng những biện pháp phù hợp, khuyến khích cách giải thích nghĩa từ bằng ngữ cảnh trong bài đọc hoặc giải nghĩa từ bằng cách đặt câu để HS ngắt nhịp đúng.

2.1.2. Dạy đọc hiểu

Các dạng câu hỏi đọc hiểu được sử dụng trong hoạt động này bao gồm: câu hỏi tìm chi tiết trong bài, câu hỏi tìm hiểu về hình thức/ thể loại, câu hỏi về nội dung của bài đọc và câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối. Các câu hỏi được thiết kế theo 3 mức độ với các dạng: câu hỏi gợi mở, câu lệnh, câu hỏi trắc nghiệm (nhiều lựa chọn, ghép nối, đúng sai,...) và câu hỏi kết hợp với tranh ảnh minh họa (câu hỏi kết nối ngôn ngữ hình ảnh).

Bên cạnh các câu hỏi trong SGK, GV linh động tổ chức các dạng câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu khác tương ứng với năng lực của HS nhằm đảm bảo mục tiêu dạy học phân hoá.

2.1.2.1. Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Dựa vào các nhóm câu hỏi – BT đọc hiểu, GV tổ chức cho HS thực hiện các BT.

(1) Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các chi tiết được thể hiện tường minh trong văn bản, trả lời cho các câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, làm gì, như thế nào, vì sao...*

Ví dụ câu hỏi ở tr.11, t.1:

2. Lúc đầu, bé Mai đã thử làm người lớn bằng những cách nào?

3. Nêu những việc làm của Mai được bố mẹ khen.

Đối với dạng BT này, GV cần giúp HS “khoanh vùng” phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi. Sau đó hướng dẫn các em xem xét, xác định chi tiết/ sự kiện liên quan trực tiếp đến câu hỏi để lựa chọn và sắp xếp ngôn ngữ để trả lời. GV chú ý không cho HS rơi vào tình trạng trả lời câu hỏi bằng cách “đọc nguyên văn” cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

– Loại BT xác định ý khái quát của văn bản dựa vào gợi ý.

Ví dụ tr.67 – 83, t.1:

3. Bài thơ nói về điều gì?

Tình cảm của bạn nhỏ với vườn cây nhà bà.

Tình cảm của bạn nhỏ với bà nội, bà ngoại.

Tình cảm của bạn nhỏ với dòng sông quê.

4. Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

Phải nuôi nhiều con vật trong nhà.

Phải biết trao đổi thú cưng.

Phải biết quý trọng tình bạn.

Với loại BT xác định ý khái quát của văn bản dựa vào gợi ý, HS tiểu học hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn. Vì vậy, một trong những cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa đại ý đã đưa ra. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

(2) Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức

– Loại BT xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, âm thanh, đặc điểm, hành động,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc.

Ví dụ câu hỏi ở tr.46, t.2:

1. Khi bắt đầu xây tổ, ong làm gì?

2. Ong thợ già, ong thợ trẻ và ong non thực hiện công việc gì để xây tổ?

3. Tổ ong được miêu tả như thế nào?

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhân vật, lời nhân vật,...

Ví dụ câu hỏi ở tr.83, t.2:

1. Khi đến trại nhi đồng, Bác Hồ cùng các em đi thăm những nơi nào?

2. Bác Hồ hỏi các em học sinh những gì?

3. Đến lượt mình nhận kẹo, Tộ nói gì với Bác Hồ?

4. Vì sao Bác Hồ vẫn chia kẹo cho Tộ?

(3) Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối

– Loại BT kết nối đọc hiểu chi tiết trong văn bản với đọc ngôn ngữ hình ảnh.

Ví dụ câu hỏi ở tr.123, t.1:

1. Mỗi sự vật dưới đây có ở khổ thơ nào?



GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, giúp HS quan sát tranh và nhận ra bức tranh đang vẽ về điều gì/ cảnh gì. Từ đó hướng dẫn HS quay trở lại bài đọc và xác định vị trí câu thơ tương ứng với nội dung tranh. GV cũng có thể sử dụng hình thức thi đua ghép tranh giữa các nhóm/ tổ để gia tăng hứng thú tìm hiểu bài.

– Loại BT liên hệ bản thân, đánh giá nhân vật/ chi tiết trong bài đọc, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS.

Ví dụ “Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”,...

Đối với dạng BT này, GV cần tạo điều kiện để mọi HS đều tham gia trả lời bằng cách linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học theo cặp/ nhóm nhỏ, khuyến khích và tạo cơ hội cho HS yếu, trung bình được tham gia trả lời. GV cũng cần chú ý việc đánh giá theo hướng tôn trọng ý kiến của HS.

2.1.2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Tuỳ thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản thông tin.

(1) Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các thông tin nổi bật được thể hiện tường minh trong văn bản, thường được thiết kế dưới dạng câu hỏi tái hiện.

Ví dụ câu hỏi ở tr.14, t.1:

1. Nêu những việc bạn Đình Anh làm vào buổi sáng.
2. Bạn Đình Anh đá bóng vào lúc nào?



– Loại BT xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản (văn bản này viết về điều gì) có thể có gợi ý, hỗ trợ hoặc không.

Ví dụ câu hỏi ở tr.46, t.1:

4. Bài đọc giúp em hiểu điều gì?

(2) Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức

– Loại BT nhận biết trình tự của các chi tiết, sự việc trong văn bản.

Ví dụ câu hỏi ở tr.62, t.1:

2. Nêu các việc cần làm ở bước 2 và bước 3.

3. Có thể đảo trật tự bước 1 và bước 2 không? Vì sao?

Với dạng BT này, GV cần giúp HS đọc lại bài đọc, xác định vị trí các sự việc được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như hiểu nghĩa một số tín hiệu đơn giản gắn với HS.

Ví dụ câu hỏi ở tr.102, t.1:

1. Học sinh tổ 1, lớp 2A lập bản danh sách để làm gì?
2. Bản danh sách có những cột nào?
3. Chọn biểu tượng phù hợp với từng câu lạc bộ.

Cây cọ nhí	Võ thuật	Chim sơn ca	Bóng đá
			

4. Đọc thông tin của các bạn đăng kí tham gia Câu lạc bộ *Chim sơn ca*.

(3) Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối liên hệ bản thân, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS.

Loại câu hỏi – BT này thường xuất hiện ở vị trí cuối của các câu hỏi tìm hiểu bài đọc, hoặc ở hoạt động vận dụng.

Ví dụ câu hỏi ở tr.62, t.2:

4. Theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ rừng?

Hoặc hoạt động vận dụng – chơi trò chơi như hoạt động vận dụng ở tr.65, t.2:

2. Chơi trò chơi *Nhà nông nhí*:

- a. Thi kể tên các loài cây.
- b. Nói với bạn về một loài cây mà em biết.

2.2.3. *Dạy đọc mở rộng*

GV hướng dẫn HS cách tìm bài đọc trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó. HS có thể tìm bài đọc theo yêu cầu của GV ở nhiều nguồn khác nhau: tủ sách của lớp học, thư viện trường, tủ sách gia đình, nhà sách,... Nếu là tập sách, truyện, báo,... có mục lục thì hướng dẫn HS vận dụng cách tra mục lục sách để tìm bài đã học.

GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này. Ở tiết chia sẻ, GV tổ chức cho HS chia sẻ về bài/ truyện đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* các thông tin cần thiết, gồm các bước sau:

- *Bước 1*: GV tổ chức cho HS đọc BT, xác định yêu cầu BT (chia sẻ về truyện/ bài thơ/ bài văn/ bài đọc (văn bản thông tin) đã đọc); thực hiện BT theo nhóm nhỏ.
- *Bước 2*: GV tổ chức cho HS đọc BT, xác định yêu cầu của BT, thực hiện yêu cầu viết vào *Phiếu đọc sách*; HS tự đánh giá, chữa lỗi (nếu có).
- *Bước 3*: GV tổ chức cho HS nhắc lại nội dung vừa được nghe từ bạn (nội dung mà em cảm thấy hứng thú); HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, GV có thể linh hoạt lựa chọn thời điểm tổ chức hoạt động ĐMR sao cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS. GV có thể cân nhắc phương án tổ chức cho HS chia sẻ kết quả ĐMR ngay sau khi kết thúc hoạt động luyện đọc lại bài đọc.

2.2. *Hướng dẫn dạy học tập viết*

Các chữ viết hoa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và được tổ chức thực hiện trong các bài đọc văn bản truyện và văn bản thơ. Đa số các câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ đề và có chứa chữ cái viết hoa vừa học.

Các bước tổ chức việc dạy viết hoa được thực hiện tương tự như các bước dạy kĩ thuật viết theo mẫu ở lớp Một.

- *Bước 1*: GV tổ chức cho HS quan sát và phân tích mẫu:
 - + Quan sát mẫu, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét của chữ hoa.
 - + Quan sát GV viết mẫu kết hợp với nghe GV hướng dẫn quy trình viết.
 Tùy theo đối tượng HS, GV có thể thực hiện viết mẫu từ 1 – 2 lần.
- *Bước 2*: HS luyện tập viết theo mẫu vào bảng con hoặc vở tập viết.

- Bước 3: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.

Cũng tùy theo đối tượng HS, các bước tổ chức việc dạy viết câu ứng dụng có thể được thực hiện tương tự như các bước tổ chức việc dạy viết hoa. Khi giới thiệu câu ứng dụng, GV lưu ý hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng trong trường hợp cần thiết.

Trên thực tế, GV có thể linh hoạt lựa chọn dạy từng nội dung (chữ viết hoa → câu ứng dụng) hoặc dạy từng hoạt động đối với cả hai nội dung (quan sát, phân tích mẫu → thực hành viết → đánh giá bài viết).

2.3. Hướng dẫn dạy học chính tả

2.3.1. Chính tả nhìn – viết (tập chép): HS được thực hành kiểu bài chính tả nhìn – viết đối dạng văn bản là các đoạn văn, thơ trích từ trong bài đọc hoặc ở ngoài (theo một tỉ lệ được kiểm soát). Dạng BT này giúp HS tri nhận các vấn đề chính tả bằng thị giác, đặc biệt hữu ích với các trường hợp chính tả phương ngữ. Do vậy, GV cần tổ chức dạy học theo các bước:

– Bước 1: HS đọc lại câu/ đoạn cần chép và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung câu/ đoạn.

– Bước 2: HS tìm hiểu nghĩa và ghi nhớ mặt chữ của những từ ngữ có vấn đề chính tả. GV cần tổ chức cho HS giải thích nghĩa của những từ này bằng ngữ cảnh, tranh ảnh/ động tác trực quan, đặt câu. HS luyện viết những từ ngữ này vào giấy nháp hoặc bảng con để ghi nhớ cách viết trên cơ sở đã hiểu nghĩa.

– Bước 3: HS chép câu/ đoạn viết vào vở.

– Bước 4: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.

– Bước 5: HS chữa lỗi (nếu có).

2.3.2. Chính tả nghe – viết:

Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. Do vậy, GV cần tổ chức dạy học theo các bước:

– Bước 1: HS đọc lại câu/ đoạn cần viết và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung câu/ đoạn.

– Bước 2: Trường hợp đoạn cần viết có tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do phương ngữ, GV tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ đó. Trong trường hợp cần thiết, GV hướng dẫn HS luyện viết những từ ngữ này vào giấy nháp hoặc bảng con.

– Bước 3: HS viết câu/ đoạn viết vào vở trên cơ sở nghe GV đọc từng cụm từ có nghĩa.

- Bước 4: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.
- Bước 5: HS chữa lỗi (nếu có).

2.3.3. Chính tả có quy tắc: Với dạng BT này, GV cho HS nhắc lại quy tắc, thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

2.3.4. Chính tả phương ngữ: Dạng BT này được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn, GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong chu cảnh, ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

2.3.5. Chính tả ngữ nghĩa: Dạng BT này, chỉ xảy ra với cặp *d/gi*; được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn; GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong chu cảnh, ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

2.4. Hướng dẫn dạy học luyện từ và câu

2.4.1. Mở rộng vốn từ và phát triển lời nói

Việc dạy mở rộng vốn từ (MRVT) và phát triển lời nói không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả, hoạt động mở rộng và nói – viết sáng tạo. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: MRVT bằng tranh gợi ý; MRVT thông qua bài đọc; MRVT bằng cách tìm từ chỉ khác nhau ở âm đầu hoặc vần; MRVT theo cấu tạo từ, theo trường nghĩa.

Để MRVT và phát triển lời nói cho HS, GV có thể tổ chức:

(1) MRVT và phát triển lời nói bằng tranh gợi ý: HS quan sát tranh tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất, nói câu có từ ngữ tìm được.

(2) MRVT và phát triển lời nói thông qua bài đọc: HS đọc một văn bản và tìm những từ ngữ được yêu cầu theo một trường nghĩa nhất định. GV hướng dẫn cho HS đặt câu có chứa các từ ngữ vừa tìm và viết câu vừa đặt vào vở.

(3) MRVT và phát triển lời nói bằng cách tìm từ chứa âm, vần: Dạng bài này được tích hợp ngay trong hoạt động đọc lưu loát và được tổ chức thành BT trong VBT. Để dạy dạng bài này, GV tổ chức cho HS tìm từ chứa tiếng có âm/ vần theo yêu cầu; nói – viết câu có từ ngữ tìm được. MRVT kiểu này thường được gắn với BT chính tả.

(4) MRVT và phát triển lời nói theo cấu tạo từ: Dạng bài này thường cho sẵn một tiếng, yêu cầu HS sinh tìm tiếng ghép với tiếng đã cho để tạo từ mới, đặt câu với từ ngữ tìm được.

(5) MRVT và phát triển lời nói theo nghĩa của từ: Dạng bài này thường cho sẵn từ và nghĩa của từ, như thẻ từ – thẻ ghi nghĩa từ hoặc BT giải ô chữ, giải câu đố. HS dựa vào các dữ kiện đã cho để tìm từ ngữ theo yêu cầu và nói câu có từ ngữ tìm được.

(6) MRVT và phát triển lời nói theo trường nghĩa: Dạng bài này được thiết kế dựa trên lí thuyết trường nghĩa với 3 kiểu nhỏ:

① Tìm từ ngữ chỉ tình cảm/ cảm xúc/ đồ vật/ hoạt động (của các nhân vật có trong tranh,...)/ đặc điểm, công dụng của đồ vật,...

② Tìm từ ngữ có thể kết hợp với từ đã cho.

③ Nói, viết câu chỉ tình cảm/ cảm xúc/ giới thiệu đồ vật/ thuật hoạt động chứng kiến hoặc tham gia.

Các bước tổ chức thực hiện BT MRVT và phát triển lời nói:

– *Bước 1:* HS xác định yêu cầu BT và phân tích mẫu (nếu có).

– *Bước 2:* Một vài HS thực hành tạo mẫu và cùng GV phân tích.

– *Bước 3:* HS thực hiện BT bằng phương pháp, hình thức phù hợp.

– *Bước 4:* HS chia sẻ kết quả BT.

– *Bước 5:* HS và GV nhận xét, bổ sung.

2.4.2. Luyện tập nói, viết câu

Tương tự hoạt động dạy học MRVT, dạy học luyện tập nói viết câu không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả, hoạt động mở rộng và nói – viết sáng tạo. Thêm vào đó, việc dạy học nói viết câu được bố trí ngay sau dạy học MRVT và phát triển lời nói. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: nhận diện và sử dụng từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối; từ chỉ hoạt động; từ chỉ tính chất; nhận diện và sử dụng câu *ai, cái gì, con gì, là gì, làm gì, thế nào*; trả lời câu hỏi *khi nào, ở đâu, như thế nào, vì sao, để làm gì, bằng gì*; nhận diện và sử dụng câu kể – dấu chấm, câu hỏi – dấu chấm hỏi, câu khiến – dấu chấm than, câu cảm – dấu chấm than. GV hướng dẫn HS quan sát mẫu, phân tích mẫu, đặt câu (nói câu theo yêu cầu về từ ngữ/ mục đích nói → viết lại câu vừa nói).

Tương tự hoạt động MRVT và phát triển lời nói, các bước tổ chức thực hiện BT luyện câu và phát triển lời nói gồm:

– *Bước 1:* HS xác định yêu cầu bài tập và phân tích mẫu (nếu có).

– *Bước 2:* Một vài HS thực hành tạo mẫu và cùng GV phân tích.

– *Bước 3:* HS thực hiện bài tập bằng phương pháp, hình thức phù hợp.

– *Bước 4:* HS chia sẻ kết quả bài tập.

– *Bước 5:* HS và GV nhận xét, bổ sung.

2.5. Hướng dẫn dạy học nói và nghe

GV hướng dẫn HS cách nắm nội dung nghe, cách hiểu đúng thông điệp mà người nói truyền tải, đánh giá quan điểm của người nói, có thái độ nghe phù hợp, tích cực; tôn trọng người nói, tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, quy tắc giữ thể diện người nói, người nghe.

Hoạt động dạy nói và nghe được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, hoạt động cùng sáng tạo sau bài đọc, hoạt động dạy nghị thức lời nói, hoạt động kể chuyện, hoạt động nói để chuẩn bị cho viết sáng tạo (tập làm văn) và nói sáng tạo ở hoạt động vận dụng cuối một số bài học.

2.5.1. Nói và nghe kết nối bài học

Các dạng BT của kiểu bài này chủ yếu gồm: nói về tranh minh hoạ và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS theo một số hình thức:

(1) Nói về tranh minh hoạ và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh.

(2) So sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh: GV tổ chức cho HS quan sát hai bức tranh và phát hiện ra điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh. Từ đó, GV đàm thoại gợi mở nhằm giúp HS kết nối điều mình vừa phát hiện với điều sẽ học.

(3) Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và thảo luận về cách giải quyết nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS trải nghiệm ngôn ngữ để giải quyết nhiệm vụ, từ đó nhận ra nội dung sẽ học.

Các bước tổ chức thực hiện BT nói và nghe kết nối bài học:

- *Bước 1:* HS xác định yêu cầu BT và phân tích gợi ý (nếu có).
- *Bước 2:* HS thực hiện BT theo cặp hoặc nhóm nhỏ hoặc nói trước lớp trên cơ sở hình ảnh, tranh minh hoạ hoặc từ ngữ, câu gợi ý hoặc câu hỏi.
- *Bước 3:* Một số nhóm HS nói trước lớp.
- *Bước 4:* HS và GV đánh giá kết quả thực hành và kết nối vào bài học.

2.5.2. Nói và nghe theo nghị thức giao tiếp

Các nghi thức giao tiếp bao gồm: nói và đáp lời chào hỏi, lời chào tạm biệt, lời cảm ơn, lời xin lỗi, lời xin phép, lời chia buồn, an ủi, lời chúc mừng,... phù hợp với đối tượng bằng vai và không bằng vai, trong ngữ cảnh thân thuộc ở nhà và ở trường. Khi

dạy kiểu bài này, GV chú ý cho HS thực hành các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói như nhận diện từ xưng hô thích hợp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,...

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp; tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu; hướng dẫn cho HS thực hiện theo cặp/nhóm nhỏ và tiến hành đánh giá, nhận xét.

(2) Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu: Kiểu bài này thường gắn với bài tập đọc. GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp. GV tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu. Ở lớp 2, các nội dung nói và đáp lời chia buồn, lời an ủi, lời xin lỗi thường được thiết kế dạng đóng vai nhân vật (gắn với bài đọc hiểu).

2.5.3. Hỏi – đáp tương tác

Các dạng BT này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học. GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý: GV tổ chức cho HS quan sát và đọc mẫu gợi ý, tổ chức cho HS thực hành theo mẫu theo cặp/nhóm nhỏ.

(2) Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học: Dạng BT này luôn được sử dụng trong các tiết học, môn học. Tùy bài học cụ thể ở SHS, GV linh động giao các BT cho HS thực hiện.

2.5.4. Nghe – nói trong kể chuyện

(1) Dạng bài nghe – kể: gồm 5 bước

– **Bước 1:** GV cho HS đọc tên câu chuyện, quan sát tranh minh họa để phán đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc.

– **Bước 2:** GV tổ chức cho HS nghe kể 1 – 2 lần, kèm theo câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý lắng nghe của HS, câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý giúp HS nắm bắt nội dung chính từng đoạn của câu chuyện (tương ứng với từng tranh minh họa).

– **Bước 3:** GV tổ chức cho HS kể từng đoạn, kể toàn bộ câu chuyện kết hợp với việc thực hiện một số kĩ năng nghe – nói trong khi kể.

– **Bước 4:** GV tổ chức cho HS tìm hiểu, liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.

– **Bước 5:** GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá phần trình bày của mình và các bạn.

(2) Dạng bài xem – kể: gồm 5 bước

– *Bước 1:* GV cho HS đọc tên câu chuyện, phán đoán xem câu chuyện sẽ nói về điều gì.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS quan sát kĩ từng tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính trong mỗi tranh. Yêu cầu mỗi HS đều phải trả lời được ít nhất một câu. GV có thể sử dụng thêm các câu hỏi phụ; sử dụng các kĩ thuật phát triển lời nói để giúp HS có thể đưa ra các ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.

– *Bước 3:* GV hướng dẫn HS tập hợp các ý tưởng vừa nói cho từng tranh và ghép nối giữa các bức tranh để kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

– *Bước 4:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

– *Bước 5:* GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

(3) Dạng bài đọc – kể: gồm 5 bước

– *Bước 1:* GV cho HS đọc lại truyện.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS quan sát tranh minh hoạ. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính.

– *Bước 3:* GV tổ chức cho HS kể từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

– *Bước 4:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

– *Bước 5:* GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

2.5.5. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý

(1) Nói theo câu hỏi/ câu gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời và đổi ngược lại).

(2) Giới thiệu về sự vật, hoạt động theo gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về sự vật, hoạt động. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện BT.

2.6. Hướng dẫn dạy học tập làm văn

Mục đích của kiểu bài viết sáng tạo – tập làm văn là giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn. Các dạng bài cho hoạt động này: *viết theo mẫu gợi ý; diễn phần thông tin để hoàn thành câu; viết lại ý vừa nói; viết tên cho bức tranh* (HS đã thực hiện ở lớp 1, lên lớp 2 được tiếp tục; SHS sắp xếp kiểu bài này ở những tuần đầu; GV lưu ý hướng dẫn HS hiểu sự khác nhau giữa việc đặt tên cho bức tranh/ ảnh (ngôn ngữ nói) với việc viết tên bức tranh/ ảnh đó. GV đưa mẫu và cho HS phân tích các đặc điểm của mẫu và tổ chức thực hiện đặt tên cho bức tranh); *viết 3 – 4 – 5 câu (giới thiệu, tả, thuật,...) theo gợi ý*.

Theo CT giáo dục phổ thông 2018, việc dạy kĩ năng viết chính là sự thể hiện kĩ năng tạo lập văn bản, bao gồm cả dạng nói và viết. Ở lớp 2, việc dạy kĩ năng viết thể hiện sự hướng dẫn bước đầu chuẩn bị cho việc viết theo thể loại. Sách *Tiếng Việt 2* lựa chọn cách dạy kĩ thuật viết dưới dạng hướng dẫn HS nhận thức được quá trình tạo lập văn bản của mình hơn là nhấn mạnh vào kết quả sản phẩm làm văn của các em. Để làm được điều này, sách lựa chọn và phân chia việc viết đoạn (viết 3 – 4 – 5 câu) của HS thành: 1. *Nhận diện thể loại* (bao gồm nhận diện thể loại và viết nháp); 2. *Luyện tập – thực hành* (bao gồm nói, viết theo thể loại). Tùy theo mỗi thể loại làm văn cần được lĩnh hội, các bước vừa nêu sẽ được phân bố trong 4 tiết trên lớp. Cụ thể, việc tổ chức dạy học sẽ được tiến hành như sau:

(1) *Giai đoạn nhận diện thể loại*

Để giúp HS nhận diện đúng thể loại làm văn cần học, sách *Tiếng Việt 2* sử dụng phương pháp học theo mẫu; được bố trí ở tiết 1 và 3. Mỗi tiết nhận diện thể loại, SHS hướng dẫn phân tích mẫu theo những tiêu chí/ gợi ý khác nhau. Theo đó, yêu cầu phân tích mẫu ở tiết 3 sẽ được phát triển so với tiết 1. Thông thường, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:

– *Bước 1:* GV giúp HS hiểu mục đích và ý nghĩa của thể loại bằng cách liên hệ với phần nội dung bài đọc trước đó; đưa mẫu đến cho HS, tổ chức cho HS đọc bài mẫu.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu bằng hệ thống câu hỏi hoặc BT. GV lưu ý giúp HS xem xét, phân tích mẫu trên phương diện liên quan đến cách thức làm bài văn theo thể loại (mục đích viết, đối tượng viết, cách thức triển khai ý, thể hiện tình cảm/ thái độ của người viết); tránh cách hỏi về nội dung của bài văn mẫu. HS có thể tiến hành bước này theo hình thức toàn lớp, cá nhân hoặc cặp/ nhóm.

– *Bước 3:* Tổ chức cho HS viết nháp theo mẫu hoặc gợi ý, hướng dẫn.

– *Bước 4:* Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết nháp, rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho luyện tập, thực hành.

Ví dụ: Bài **Giới thiệu đồ vật quen thuộc**, chủ điểm Những người bạn nhỏ, *Tiếng Việt 2, t.1*, tr. 84 – 85.

6. Giới thiệu về đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc đoạn văn, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Giới thiệu đồ vật

– HS xác định yêu cầu của BT 6b.

– HS viết 4 – 5 câu giới thiệu về chiếc đèn học dựa vào gợi ý vào VBT.

– Một vài HS đọc các câu đã viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

(2) Giai đoạn luyện tập

Giai đoạn luyện tập được bố trí ở các tiết 2, 4. GV cần có biện pháp giúp HS cảm thấy có nhu cầu viết. Một trong những cách làm chính: tạo ra ngữ cảnh giao tiếp từ đề bài được cho. GV có thể chuyển đổi đề bài trong SGK thành một đề bài có ngữ cảnh giao tiếp cụ thể hơn cho HS trong lớp của mình. Theo đó, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:

– **Bước 1:** Tìm hiểu đề bài. GV cần giúp HS hình dung đối tượng cần viết trong bài là gì, hoàn cảnh, thời gian liên quan đến đối tượng đó. GV nên diễn đạt đề bài thành một tình huống giao tiếp để các em nảy sinh trạng thái tâm lí muốn trao đổi, thể hiện ý nghĩ của mình về đối tượng đó.

– **Bước 2:** Tìm và phát triển ý. Điều quan trọng nhất trong bước này chính là giúp HS có thói quen động não, suy nghĩ về những đặc điểm, nội dung của đối tượng mà mình muốn nói tới ở bước 1. Một số biện pháp dạy học mà GV có thể sử dụng trong bước này là: HS tự đặt câu hỏi về đối tượng mình muốn nói đến (VD: sử dụng bảng câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao, cảm nghĩ/ tình cảm gì về đối tượng đó*); HS trao đổi với bạn và ghi chép lại những ý tưởng vào giấy nháp; HS lập sơ đồ tư duy/ sơ đồ cây về sự kiện chi tiết/ sắp xếp các thông tin có liên quan,...)

– **Bước 3:** GV giúp HS nói thành câu trên cơ sở những ý đã ghi chép. Nghe GV và các bạn nhận xét nội dung nói, hướng dẫn phát triển ý,...

– Bước 4: HS thực hành viết dựa vào bài nói và những nhận xét của GV và các bạn.

Ví dụ: Bài **Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc**, chủ điểm Những người bạn nhỏ, Tiếng Việt 2, t.1, tr. 93.

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT6a.
- HS nói 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết câu giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT6b.
- HS viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà vào VBT.
- HS đọc các câu đã viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.7. Hướng dẫn tổ chức hoạt động vận dụng

Hoạt động cuối cùng của bài học giúp HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng hình thành qua bài học vào thực tế đời sống kết hợp phát triển ngôn ngữ với hình thức đa dạng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... Việc tích hợp ngôn ngữ, vận động, âm nhạc, vẽ, trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng nhằm thêm một cơ hội rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho HS.

Hoạt động vận dụng được bố trí vào mục cuối cùng của bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các bước: (1) Xác định yêu cầu của hoạt động; (2) Thực hiện yêu cầu cá nhân hoặc theo cặp/ nhóm nhỏ; (3) Trưng bày sản phẩm; (4) Chia sẻ, rút kinh nghiệm. Hoạt động vận dụng cũng có thể được thực hiện linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện cuối bài học mà có thể thực hiện sau khi luyện tập một kĩ năng của bài học.

Hoạt động vận dụng có thể tổ chức ở lớp với các bước và các nội dung như vừa nêu. Tuy nhiên, tùy nội dung bài học, có những hoạt động vận dụng có thể cho HS thực hiện ở nhà. Nếu cho HS thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

Ví dụ: Bài ***Cánh đồng của bố***, chủ điểm **Bố mẹ yêu thương**, *Tiếng Việt 2, t.1*, tr. 45.

2. Nói câu thể hiện tình cảm của em với bố mẹ hoặc người thân

– HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với người thân:

+ Từ ngữ xưng hô theo đúng vai.

+ Từ ngữ chỉ tình cảm của em với người thân.

+ Những việc mà người thân đã làm cho em khiến em cảm động.

+ ...

– HS thực hành ở nhà.

Trong mỗi bài học, việc phân chia các hoạt động dạy học thành các tiết được thực hiện linh hoạt tùy điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS. Vì vậy, GV cần nghiên cứu kĩ phân phối CT để chủ động xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân phù hợp nhất.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, VỞ BÀI TẬP, VỞ TẬP VIẾT

1.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

SGV Tiếng Việt 2 thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* gồm hai tập nhằm mục đích giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách Tiếng Việt 2 và các phương án dạy học các bài trong SHS Tiếng Việt 2. Sách gồm hai phần lớn:

Phần một: Hướng dẫn chung, giới thiệu về quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách Tiếng Việt 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* và phần hướng dẫn chung về việc dạy học các kiểu bài. Cuối phần hướng dẫn chung là các phụ lục: *Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2; Phân phối chương trình Tiếng Việt 2, Hướng dẫn viết chữ hoa,...*

Phần hai: Hướng dẫn cụ thể bao gồm toàn bộ các thiết kế dạy học cho tất cả các bài học và tiết học có trong SHS Tiếng Việt lớp 2. Cuối sách là phần gợi ý hướng dẫn GV thiết kế các tiết ôn luyện và để kiểm tra cuối kì. GV có thể xem SGV như một phương án gợi ý cho các hoạt động dạy học tất cả kiểu bài. Tùy tình hình, đặc điểm HS của từng lớp, GV có thể thiết kế lại, chuyển đổi một số hình thức dạy học, đánh giá, thậm chí cả một số BT cho phù hợp và đúng với định hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực HS, chú trọng dạy học phân hoá, tích hợp, tích cực.

Phần hướng dẫn cụ thể của SGV được trình bày theo đơn vị bài học, tuần và chủ đề. Tuy nhiên, ở từng bài học, để giúp GV chủ động giảng dạy phù hợp với trình độ, năng lực của HS lớp mình phụ trách, SGV Tiếng Việt 2 thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* không tách bạch từng tiết.

Để giản tiện trong trình bày, tránh gây cảm giác nặng nề, nhàm chán, những lưu ý về đánh giá, nhận xét (kế hoạch, hình thức tổ chức, cách tiến hành, cách nói/ viết lời nhận xét đánh giá,...) về dạy học đại trà và dạy học phân hoá,... được nêu ở hướng dẫn chung về dạy học các kiểu bài mà không nêu ở từng bài cụ thể.

Theo các nhà tâm lí học, năng lực là tổng hoà kiến thức, kĩ năng, thái độ. Mục tiêu yêu cầu trong một bài dạy là những kết quả học tập mà mỗi HS cần đạt sau mỗi bài học/ tiết học. Mức độ cụ thể, chuyên biệt của các kết quả này phụ thuộc vào mức độ tường minh của các mục tiêu dạy học mà người GV hình dung trong đầu và diễn đạt chúng. Do đó, khi soạn mục tiêu bài học, người GV cần dùng từ ngữ chỉ các khả năng có thể quan sát trực tiếp và có thể kiểm soát được/ kiểm tra/ đánh giá được mức độ đạt được của HS sau mỗi bài học. Từ kết quả này, GV sẽ có cơ sở để chỉnh sửa/ phản hồi

cho những tiết học sau. Kết quả đạt được từ mỗi bài học là một lát cắt của quá trình phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Do đó, việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS là một quá trình/ tiến trình chứ không phải chỉ thông qua một bài học. Mặt khác, vì năng lực của HS là sự kết hợp tổng hoà của cả ba yếu tố: kiến thức, kĩ năng, thái độ – phẩm chất nên khi viết một mục tiêu theo định hướng năng lực, phẩm chất, người GV cũng cần dùng một cách cụ thể sự kết hợp của cả ba yếu tố đó với các mức độ khác nhau. Vì những lí do trên, SGK *Tiếng Việt 2* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* thiết kế mục tiêu theo hoạt động, sử dụng cụm động từ chỉ hoạt động để diễn đạt giúp GV quan sát được, lượng hoá được các hoạt động dạy học và kết quả thu được ở HS. Thêm vào đó các mục tiêu được trình bày theo thứ tự hoạt động giúp GV thuận tiện trong việc thiết kế hoạt động dạy học và tiến trình thực hiện một đơn vị bài học.

Các hướng dẫn cụ thể là những gợi ý, GV tùy thuộc thực tế dạy học để cụ thể hoá cho phù hợp với đối tượng dạy học và điều kiện dạy học. Ngoài ra, để giúp GV tham khảo mở rộng thêm, SGK có những chú dẫn về nguồn tài liệu để GV thuận tiện khi tìm kiếm.

1.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập

Để tránh việc HS viết bài, làm vài trực tiếp vào SHS (SHS có thể sử dụng được nhiều năm), HS sẽ thực hành rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe vào VBT. VBT *Tiếng Việt 2* gồm hai tập tương ứng với SHS tập một và tập hai. Các bài trong VBT bám sát theo từng nội dung bài học ở SHS.

Mở đầu VBT có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VBT. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình đúng với nội dung mà kí hiệu biểu thị; một số kí hiệu đã được sử dụng trong SHS. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nắm vững các kí hiệu để thực hiện các BT đạt kết quả tốt.

BẢNG KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Chữa lỗi



Tự đánh giá

(2), (3) Bài tập tự chọn

M:

Mẫu

SGK: Sách giáo khoa Tiếng Việt 2, tập một
tr.: trang

VBT thường có cấu trúc: BT, phần cho HS giải BT, phần cho HS chữa lỗi và phần cho HS tự đánh giá.

Khi hướng dẫn HS sử dụng VBT, GV cần lưu ý:

– VBT chỉ chuyển từ SHS, những BT cần thực hiện thông qua hoạt động viết nên không có sự tương ứng về cách đánh số thứ tự giữa hai tài liệu này.

– Về diễn đạt câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi cũng có sự thay đổi do câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi trong SHS hướng tới tổ chức thực hiện hoạt động bằng nhiều hình thức; câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi trong VBT hướng tới ghi nhận kết quả thực hiện BT.

– Đối với một số BT, HS thực hiện thông qua kênh hình: Do VBT chỉ có 2 màu nên khi tổ chức cho HS thực hiện những BT dạng này, GV sử dụng kết quả thực hiện BT trên lớp kết hợp với tranh ảnh trong SHS để bài làm của HS đạt hiệu quả.

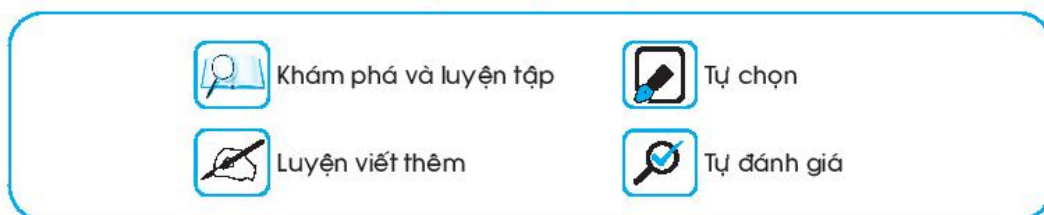
Đối với những địa phương không sử dụng VBT, GV lưu ý vẫn phải tổ chức cho HS thực hiện một số BT dạng viết, giúp các em phát triển hài hoà các kĩ năng theo đúng yêu cầu của CT.

1.3. Hướng dẫn sử dụng vở tập viết

VTV Tiếng Việt 2 gồm hai tập, tương ứng với SHS tập một và tập hai. Nội dung viết trong VTV thiết kế phù hợp với mỗi bài học ở SHS.

Mở đầu VTV có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VTV. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình đúng với nội dung mà kí hiệu biểu thị; nhiều kí hiệu được sử dụng trong SGK và VBT. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nắm vững các kí hiệu để thực hiện các BT viết và bài chính tả đạt kết quả tốt.

Kí hiệu dùng trong vở



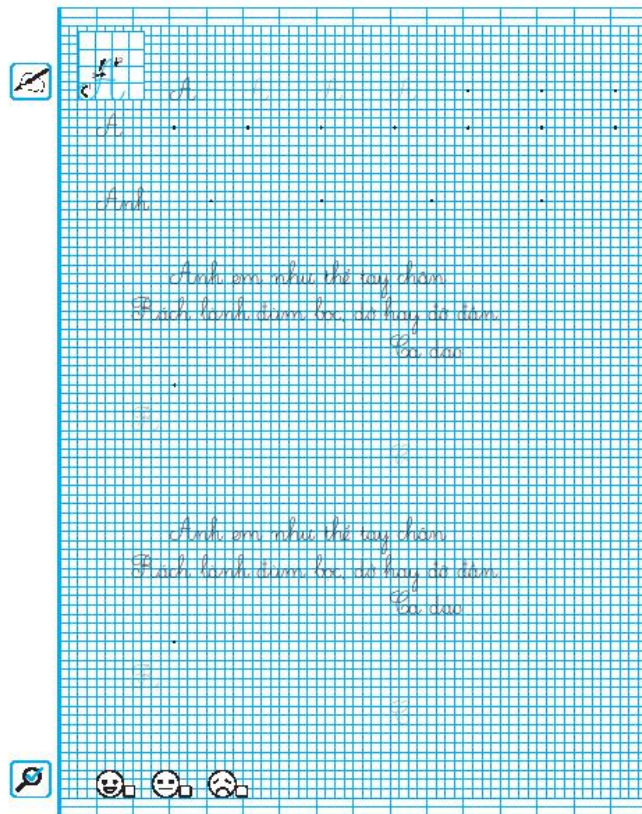
VTV bao gồm các nội dung HS cần tập viết. Mỗi tuần học có 1 tiết dành cho tập viết tương ứng với một bài trong VTV. Mỗi bài trong VTV được thiết kế trên 2 trang:

– Trang 1: Luyện viết ở lớp, bao gồm:

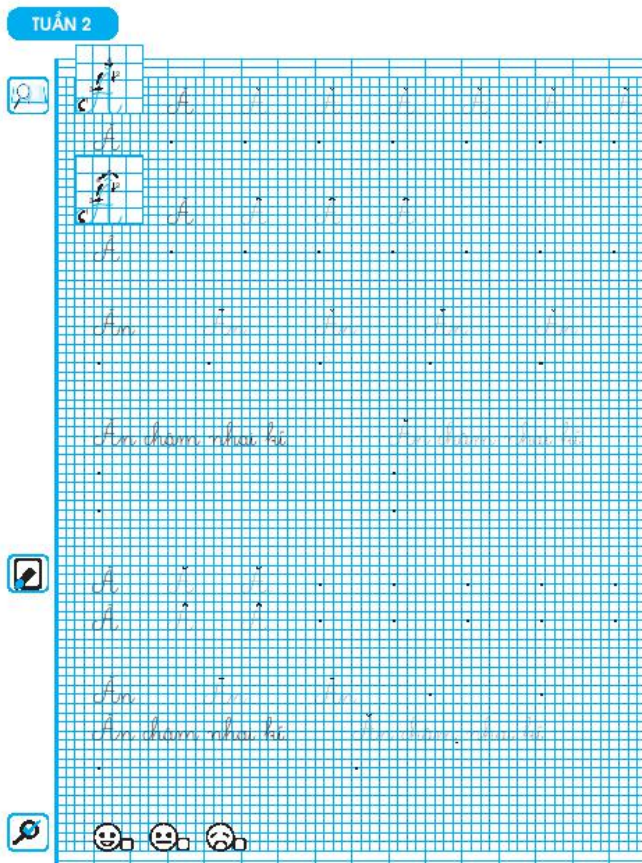
+ Nội dung viết bắt buộc: Tô và viết chữ viết hoa; Tô và viết câu ứng dụng (bao gồm cả chữ đầu tiên trong câu bắt đầu bằng chữ viết hoa) kiểu chữ đứng, nét đều.

+ Nội dung viết tự chọn: Tô và viết chữ viết hoa; Tô và viết câu ứng dụng (bao gồm cả chữ đầu tiên trong câu bắt đầu bằng chữ viết hoa) kiểu chữ nghiêng, nét đều.

– Trang 2: Luyện viết thêm (có thể thực hiện ở buổi học thứ hai), bao gồm: Tô và viết chữ viết hoa; Tô và viết câu ứng dụng (bao gồm cả chữ đầu tiên trong câu bắt đầu bằng chữ viết hoa) kiểu chữ đứng và chữ nghiêng, nét đều.



4



5

2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

Để đáp ứng nhu cầu của GV và HS, đi kèm SHS *Tiếng Việt 2*, bộ sách Chân trời sáng tạo, NXBGDVN dự kiến biên soạn một số đầu sách bổ trợ dành cho GV, HS và phụ huynh HS liên quan tới một số nội dung: Kế hoạch dạy học, sách bổ trợ từng kĩ năng đọc, viết (viết kĩ thuật, viết chính tả, viết sáng tạo), nói và nghe, sách bổ trợ kiến thức tiếng Việt (từ và câu), ôn tập cuối tuần, kiểm tra đánh giá,...

Sách bổ trợ có thể được sử dụng:

- Hỗ trợ quá trình dạy học phân hoá đối tượng trong/ sau giờ học;
- Hỗ trợ hoạt động ôn luyện Tiếng Việt buổi học thứ hai (nếu có);
- Hỗ trợ phụ huynh trong quá trình phối hợp với GV để hướng dẫn HS ôn luyện thêm sau giờ học;

...

Tùy điều kiện thực tiễn dạy học ở các địa phương và đối tượng học sinh, GV và PHHS cân nhắc, lựa chọn các đầu sách bổ trợ phù hợp.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT | 6. ĐẠO ĐỨC 2 |
| 2. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI | 7. ÂM NHẠC 2 |
| 3. TOÁN 2 – TẬP MỘT | 8. MĨ THUẬT 2 |
| 4. TOÁN 2 – TẬP HAI | 9. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2 |
| 5. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2 | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: ngày tháng năm 20 ..

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN:

Sách không bán